



TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**KẾT QUẢ HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC  
TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO THẠC SĨ ĐỢT 2 NĂM 2025**

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Ngành dự tuyển	Số TC	Kết quả	Ghi chú
1	Võ Tuấn Kiệt	28-06-1999	Quản lý tài nguyên và môi trường	3	Đạt	
2	Kishiro Takeshi	19-09-1987	Việt Nam học	10	Đạt	
3	Laviphanh Hong	02-06-1983	Việt Nam học	6	Đạt	
4	Nguyễn Đăng Anh Thư	11-08-2003	Việt Nam học	6	Đạt	
5	Bạch Thị Thúy Kiều	10-02-1983	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
6	Đào Thị Tâm	24-11-1978	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
7	Dương Minh Quyên	12-11-2002	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
8	Dương Thị Hoàng Oanh	11-07-1991	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
9	Hồ Ngọc Yến Nhi	26-04-2003	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
10	Hoàng Thị Tiểu Mai	02-08-1989	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
11	Lâm Thị Xuân Mỹ	21-02-1998	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
12	Lê Thị Hoàng Uyên	18-06-1983	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
13	Lê Thị Thủy	16-01-1991	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
14	Nguyễn Đăng Thanh Nguyên	25-01-1994	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
15	Nguyễn Đoàn Minh Tâm	02-05-2000	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
16	Nguyễn Lan Anh	02-09-1991	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
17	Nguyễn Thị Châu Vân	06-08-1983	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
18	Nguyễn Thị Diệu	28-02-1991	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
19	Nguyễn Thị Dương	20-10-1985	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
20	Nguyễn Thị Mai Hương	20-11-2003	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
21	Nguyễn Thị Thanh Thủy	20-09-1985	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
22	Nguyễn Thị Thiên Hương	31-08-1997	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
23	Phạm Kim Ngân	11-11-1981	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
24	Phan Lê Nhi	16-12-1996	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
25	Phan Thị Phương	09-10-1985	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
26	Trần Nhật Huyền	18-12-2000	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
27	Trần Thị Ngọc Nguyên	27-04-1997	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
28	Trần Thị Thu Thủy	09-02-1994	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
29	Trần Văn Hiếu	08-11-1980	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
30	Đặng Ngọc Kim Nguyên	28-04-1984	Quản lý giáo dục	16	Đạt	
31	Đặng Thị Lê Quyên	02-02-1989	Quản lý giáo dục	16	Đạt	
32	Nguyễn Thị Mỹ Châu	03-10-1986	Quản lý giáo dục	16	Đạt	
33	Nguyễn Trọng Thắng	27-03-1991	Quản lý giáo dục	16	Đạt	
34	Trần Võ Quang	27-03-1966	Quản lý giáo dục	16	Đạt	
35	Võ Thị Thanh Tâm	08-04-1987	Quản lý giáo dục	16	Đạt	



STT	Họ và tên	Ngày sinh	Ngành dự tuyển	Số TC	Kết quả	Ghi chú
36	Nguyễn Thị Hồng Vân	02-10-1991	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
37	Hồ Thị Bích Ngân	09-04-1996	Quản lý giáo dục	16	Đạt	
38	Trần Vũ Hồng Phương	18-08-1989	Quản lý giáo dục	16	Đạt	
39	Trương Thị Yến Nhi	05-08-2003	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
40	Nguyễn Thị Bửu Ngọc	08-10-1982	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
41	Lê Phước Thanh	20-02-1985	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
42	Mai Thị Cẩm Nhung	12-12-1983	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
43	Trương Thị Thu Thủy	20-10-1983	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
44	Nguyễn Hữu Quyền	02-08-1982	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
45	Lê Minh Tùng	19-05-1982	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
46	Nguyễn Thị Thu Hiền	24-09-1979	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
47	Phan Thị Ngọc Ngân	04-09-1993	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
48	Nguyễn Phương Thảo	20-03-2003	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
49	Đinh Lan Hương	26-09-1982	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
50	Y Xuân	08-01-1985	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
51	Lê Thị Hằng	25-09-1979	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
52	Nguyễn Thị Thái	26-06-1977	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
53	Nguyễn Thị An	29-8-1978	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
54	Nguyễn Đình Dương	07-08-1983	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
55	Nguyễn Thị Thuỳ Dung	01-06-1986	Quản lý giáo dục	16	Đạt	
56	Đặng Như Quỳnh	22-07-1990	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
57	Huỳnh Thị Vy Tiên	24-02-1989	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
58	Nguyễn Thị Thu Phương	02-04-1983	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
59	Bùi Thị Lệ Huyền	17-06-1974	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
60	Nguyễn Phan Thùy Ngân	24-11-1996	Quản lý giáo dục	16	Đạt	
61	Nguyễn Ngọc Huynh	15-5-1978	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
62	Nguyễn Thị Diệu Linh	23-02-1996	Quản lý giáo dục	9	Không đạt	
63	Nguyễn Ngô Ngọc Anh	23-10-1981	Quản lý giáo dục	9	Đạt	chưa xét tuyển Đ2
64	Trần Thanh Bình	07-07-2000	Quản lý giáo dục	9	Đạt	chưa xét tuyển Đ2
65	Lê Thị Phương Dung	24-11-1989	Quản lý giáo dục	9	Đạt	chưa xét tuyển Đ2
66	Nguyễn Thị Kim Sương	25-10-1978	Quản lý giáo dục	9	Đạt	chưa xét tuyển Đ2
67	Lê Đức Tiến	22-08-1996	Quản lý giáo dục	9	Đạt	chưa xét tuyển Đ2
68	Nguyễn Thị Minh Tuyết	13-10-1983	Quản lý giáo dục	9	Đạt	chưa xét tuyển Đ2
69	Trình Thị Thi	25-09-1979	Quản lý giáo dục	9	Đạt	chưa xét tuyển Đ2
70	Lê Huỳnh Hà Vân	23-05-1988	Quản lý giáo dục	9	Đạt	chưa xét tuyển Đ2
71	Nguyễn Ngọc Tuyết Anh	22-01-1991	Quản lý giáo dục	16	Đạt	chưa xét tuyển Đ2
72	Trần Thị Mỹ Hạnh	13-12-1995	Quản lý giáo dục	16	Đạt	chưa xét tuyển Đ2
73	Nguyễn Thị Thu Hiền	12-07-1982	Quản lý giáo dục	16	Đạt	chưa xét tuyển Đ2
74	Nguyễn Hoàng Linh	22-05-1990	Quản lý giáo dục	16	Đạt	chưa xét tuyển Đ2
75	Phan Ngọc Hải Loan	24-02-1983	Quản lý giáo dục	16	Đạt	chưa xét tuyển Đ2

ĐƯỢC  
RÚT  
ĐẠI  
ỨNG  
ĐƯỢC

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Ngành dự tuyển	Số TC	Kết quả	Ghi chú
76	Nguyễn Thị Mai	04-10-1986	Quản lý giáo dục	16	Đạt	chưa xét tuyển Đ2
77	Hoàng Trung Nhiên	03-04-1990	Quản lý giáo dục	16	Đạt	chưa xét tuyển Đ2
78	Bùi Thị Thanh Huyền	15-10-1989	Quản lý giáo dục	16	Đạt	chưa xét tuyển Đ2
79	Dương Ngọc Tú Quỳnh	19-03-1977	Quản lý giáo dục	16	Đạt	chưa xét tuyển Đ2
80	Nguyễn Thị Hồng Thắm	29-10-1985	Quản lý giáo dục	16	Đạt	chưa xét tuyển Đ2
81	Nguyễn Thị Thanh Thủy	12-01-1985	Quản lý giáo dục	16	Đạt	chưa xét tuyển Đ2
82	Đỗ Minh Trí	08-04-1994	Quản lý giáo dục	16	Đạt	chưa xét tuyển Đ2
83	Trần Lương Thu Trúc	19-06-2002	Quản lý giáo dục	16	Đạt	chưa xét tuyển Đ2
84	Vũ Dương Thành Trung	16-03-2000	Quản lý giáo dục	16	Đạt	chưa xét tuyển Đ2
85	Lương Tấn Trung	17-12-1963	Quản lý giáo dục	16	Không đạt	
86	A Khải	23-11-2001	Quản lý giáo dục	9	Không đạt	
87	Phan Thị Quý Chung	15-01-1984	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
88	Nguyễn Thị Quỳnh	11-08-1994	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
89	Trần Thị Nhân	16-04-1994	Quản lý giáo dục	9	Không đạt	
90	Huỳnh Bá Nghĩa	02-02-1991	Quản lý giáo dục	9	Đạt	
91	Trương Thị Bích	29/09/1985	Tâm lý học	23	Đạt	
92	Phạm Thị Ngọc Diệp	10/05/1988	Tâm lý học	23	Đạt	
93	Trần Quang Diệp Hà	12/09/1984	Tâm lý học	23	Đạt	
94	Mai Thanh Hào	20/12/2000	Tâm lý học	23	Đạt	
95	Vũ Ngọc Hoàng	22/01/1998	Tâm lý học	23	Đạt	
96	Nguyễn Thu Hồng	09/07/1961	Tâm lý học	23	Đạt	
97	Lê Như Nguyên Hương	21/09/1979	Tâm lý học	23	Đạt	
98	Lê Thiện Hữu	05/05/1986	Tâm lý học	23	Đạt	
99	Nguyễn Thị Thương Huyền	02/02/1985	Tâm lý học	23	Đạt	
100	Phạm Hữu Trung Kiên	25/12/1998	Tâm lý học	7	Đạt	
101	Lê Thị Thúy Kiều	21/03/1981	Tâm lý học	23	Đạt	
102	Nguyễn Thị Thiên Kim	13/02/1989	Tâm lý học	23	Đạt	
103	Trần Thị Mỹ Lệ	18/06/1991	Tâm lý học	7	Đạt	
104	Vi Thị Luận	03/08/1994	Tâm lý học	23	Đạt	
105	Vũ Thanh Mai	13/03/2001	Tâm lý học	23	Đạt	
106	Trần Phương Nam	09/12/1986	Tâm lý học	23	Đạt	
107	Võ Trần Thảo Nguyên	02/01/2002	Tâm lý học	23	Đạt	
108	Lê Thị Minh Phụng	26/06/1990	Tâm lý học	23	Không đạt	
109	Nguyễn Thị Lan Phương	02/02/1994	Tâm lý học	23	Đạt	
110	Trần Thị Sáng	15/10/1949	Tâm lý học	23	Đạt	
111	Nguyễn Việt Nam Sơn	08/07/1994	Tâm lý học	23	Đạt	
112	Nguyễn Thị Thiện Tâm	29/03/1981	Tâm lý học	23	Đạt	
113	Trần Thị Thanh Tâm	03/09/1992	Tâm lý học	7	Đạt	
114	Trần Thị Minh Thái	28/07/1985	Tâm lý học	23	Đạt	
115	Lê Văn Thăng	25/03/1973	Tâm lý học	23	Đạt	

VÀ  
JNC  
IOC  
(AM  
X N)

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Ngành dự tuyển	Số TC	Kết quả	Ghi chú
116	Nguyễn Chí Thành	16/04/2002	Tâm lý học	23	Đạt	
117	Nguyễn Mộng Thạch Thảo	25/10/1988	Tâm lý học	23	Đạt	
118	Nguyễn Thu Thảo	12/01/1977	Tâm lý học	23	Đạt	
119	Nguyễn Thị Hoàng Thu	26/01/1987	Tâm lý học	23	Đạt	
120	Cao Thị Thúy Tiên	27/06/1993	Tâm lý học	23	Đạt	
121	Trần Thị Huyền Trâm	22/12/1996	Tâm lý học	23	Đạt	
122	Võ Ngọc Bảo Trâm	21/09/2003	Tâm lý học	23	Đạt	
123	Trần Nguyễn Bích Trâm	24/04/1994	Tâm lý học	23	Đạt	
124	Trần Huyền Trang	04/01/1988	Tâm lý học	23	Đạt	
125	Lê Thị Tuyết Trinh	19/08/1994	Tâm lý học	23	Đạt	
126	Cao Thị Ngọc Trinh	13/07/1978	Tâm lý học	23	Đạt	
127	Trần Đức Trọng	02/10/1985	Tâm lý học	23	Đạt	
128	Trịnh Thị Thanh Trúc	23/11/2000	Tâm lý học	23	Đạt	
129	Nguyễn Thanh Tuyên	24/06/1980	Tâm lý học	23	Đạt	
130	Trần Thị Hồng Vân	12/10/1980	Tâm lý học	23	Đạt	
131	Nguyễn Thị Tuyết Vân	22/05/1983	Tâm lý học	23	Đạt	
132	Trịnh Ngọc Vinh	27/01/1997	Tâm lý học	23	Đạt	
133	Võ Thị Hắc Y	16/11/1996	Tâm lý học	23	Đạt	
134	Võ Hà Quỳnh Anh	08-03-1991	Tâm lý học	23	Đạt	chưa xét tuyển Đ
135	Đặng Thị Thanh Thủy	18-10-1988	Công tác xã hội	15	Đạt	
136	Ngô Văn Hoi	23-08-1983	Công tác xã hội	12	Đạt	
137	Dương Khánh	08-06-1992	Công tác xã hội	15	Đạt	
138	Nguyễn Thị Ni Ni	23-11-2002	Giáo dục và phát triển cộng đồng	15	Đạt	
139	Lê Đình Lượng	28-08-1994	Giáo dục và phát triển cộng đồng	15	Đạt	
140	Nguyễn Thị Thục Vy	15-10-2000	Giáo dục và phát triển cộng đồng	15	Đạt	

Ấn định danh sách có 140 học viên. Trong đó:

- Đạt: 135
- Không đạt: 5

**LẬP BẢNG**

(Kí và ghi rõ họ tên)



**Văn Thị Ngọc Trâm**

Đà Nẵng, ngày 26 tháng 12 năm 2025

**PHÒNG ĐÀO TẠO**



**TS. Trần Đức Mạnh**



TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**TỔNG HỢP ĐIỂM HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC  
NGÀNH: QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

STT	Họ tên	Ngày sinh	Điểm bổ sung kiến thức	Tổng số TC	Kết quả
			Quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường (3)		
1	Võ Tuấn Kiệt	28-06-1999	8,4	3	Đạt

Ấn định danh sách có 01 học viên. Trong đó:

- Đạt: 1
- Không đạt: 0

**LẬP BẢNG**

(Kí và ghi rõ họ tên)

**Văn Thị Ngọc Trâm**

**XÁC NHẬN CỦA KHOA**

(Kí và ghi rõ họ tên)

  
**Trịnh Đăng Mậu**

Đà Nẵng, ngày 26 tháng 12 năm 2025  
**PHÒNG ĐÀO TẠO**

**TS. Trần Đức Mạnh**



TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**TỔNG HỢP ĐIỂM HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC  
NGÀNH: VIỆT NAM HỌC**

STT	Họ tên	Ngày sinh	Điểm bổ sung kiến thức					Tổng số TC	Kết quả
			Lịch sử Việt Nam đại cương (2)	Văn hóa Đông Nam Á (2)	Kinh tế du lịch (2)	Cơ sở văn hóa Việt Nam (2)	Địa lý KT - XH Việt Nam (2)		
1	Kishiro Takeshi	19-09-1987	8,8	8,2	8,4	7,0	8,1	10	Đạt
2	Laviphanh Hong	02-06-1983	7,0	8,6	8,4			6	Đạt
3	Nguyễn Đặng Anh Thư	11-08-2003	8,8	8,7	8,7			6	Đạt

Ấn định danh sách có 03 học viên. Trong đó:

- Đạt: 3
- Không đạt: 0

Đà Nẵng, ngày 26 tháng 12 năm 2025

**LẬP BẢNG**

(Kí và ghi rõ họ tên)

**Văn Thị Ngọc Trâm**

**XÁC NHẬN CỦA KHOA**

(Kí và ghi rõ họ tên)

**Nguyễn Duy Phương**

**PHÒNG ĐÀO TẠO**

**TS. Trần Đức Mạnh**



TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**TỔNG HỢP ĐIỂM HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC  
NGÀNH: GIÁO DỤC VÀ PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG**

STT	Họ tên	Ngày sinh	Điểm bổ sung kiến thức					Tổng số TC	Kết quả	
			Tâm lý học phát triển (3)	Giáo dục cộng đồng (3)	Tâm lý học xã hội (3)	Xã hội học đại cương (3)	GDH đại cương (3)			Đánh giá trong giáo dục (3)
1	Nguyễn Thị Ni Ni	23-11-2002	8,0	9,1	9,0	9,0	8,0	15	Đạt	
2	Lê Đình Lượng	28-08-1994	8,0	9,4	8,8	8,1		8,6	15	Đạt
3	Nguyễn Thị Thục Vy	15-10-2000	7,5	9,1	8,8	8,6	7,5		15	Đạt

Ấn định danh sách có 03 học viên. Trong đó:

- Đạt: 3
- Không đạt: 0

**LẬP BẢNG**

(Kí và ghi rõ họ tên)

Văn Thị Ngọc Trâm

**XÁC NHẬN CỦA KHOA**

(Kí và ghi rõ họ tên)

Đà Nẵng, ngày 26 tháng 12 năm 2025

**PHÒNG ĐÀO TẠO**

TS. Trần Đức Mạnh



TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**TỔNG HỢP ĐIỂM HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC  
NGÀNH: CÔNG TÁC XÃ HỘI**

STT	Họ tên	Ngày sinh	Điểm bổ sung kiến thức				Tổng số TC	Kết quả	
			Nhập môn công tác xã hội (3)	Công tác xã hội với cá nhân (3)	Công tác xã hội với nhóm (3)	Phát triển cộng đồng (3)			An sinh xã hội và các vấn đề xã hội (3)
1	Đặng Thị Thanh Thuý	18-10-1988	8,7	8,5	8,6	8,6	8,6	15	Đạt
2	Ngô Văn Hợi	23-08-1983	8,7	8,5	9,0	8,3		12	Đạt
3	Dương Khánh	08-06-1992	8,7	8,8	8,6	8,5	8,8	15	Đạt

Ấn định danh sách có 03 học viên. Trong đó:

- Đạt: 3
- Không đạt: 0

**LẬP BẢNG**

(Kí và ghi rõ họ tên)

**Văn Thị Ngọc Trâm**

**XÁC NHẬN CỦA KHOA**

(Kí và ghi rõ họ tên)

Đà Nẵng, ngày 26 tháng 12 năm 2025

**PHÒNG ĐÀO TẠO**

**TS. Trần Đức Mạnh**



**TỔNG HỢP ĐIỂM HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC  
NGÀNH: TÂM LÝ HỌC**

STT	Họ tên	Ngày sinh	Điểm bổ sung kiến thức											Tổng số TC	Kết quả
			GDH đại cương (2)	Tâm lý học giáo dục (2)	Tâm lý học đại cương (2)	Tâm lý học xã hội (2)	Tâm lý học phát triển (3)	Tâm lý học chẩn đoán (3)	Tham vấn tâm lý (3)	PPNC chuyên ngành TLH (3)	Tâm lý học nhân cách (3)	TLH đại cương (3)	TLH phát triển (4)		
1	Trương Thị Bích	29/09/1985	8.0	9.3	6.0	9.1	9.0	8.2	9.3	8.6	8.8			23	Đạt
2	Phạm Thị Ngọc Diệp	10/05/1988	6.0	8.5	8.7	8.3	8.0	8.2	9.3	9.0	8.2			23	Đạt
3	Trần Quang Diệp Hà	12/09/1984	7.0	8.0	8.6	8.4	7.5	8.1	8.8	7.9	8.2			23	Đạt
4	Mai Thanh Hào	20/12/2000	6.0	8.3	9.2	8.4	8.0	8.1	9.0	8.6	8.2			23	Đạt
5	Vũ Ngọc Hoàng	22/01/1998	6.0	8.0	7.6	8.1	8.0	8.1	8.8	7.7	8.6			23	Đạt
6	Nguyễn Thu Hồng	09/07/1961	7.0	9.0	8.7	9.1	9.0	8.6	9.1	8.7	8.4			23	Đạt
7	Lê Như Nguyên Hương	21/09/1979	7.0	8.3	8.2	8.5	7.5	8.1	9.2	8.7	8.2			23	Đạt
8	Lê Thiện Hữu	05/05/1986	7.0	9.0	8.2	9.2	9.0	8.1	9.3	8.7	9.2			23	Đạt
9	Nguyễn Thị Thương Huyền	02/02/1985	7.0	8.3	7.8	8.4	8.0	8.6	8.0	6.9	8.2			23	Đạt
10	Phạm Hữu Trung Kiên	25/12/1998										7.1	7.8	7	Đạt
11	Lê Thị Thúy Kiều	21/03/1981	7.0	8.5	8.6	8.1	8.5	8.6	8.9	6.9	8.2			23	Đạt
12	Nguyễn Thị Thiên Kim	13/02/1989	8.0	8.5	7.0	8.5	8.0	8.6	8.7	8.2	8.6			23	Đạt
13	Trần Thị Mỹ Lệ	18/06/1991										8.9	8.5	7	Đạt
14	Vi Thị Luận	03/08/1994	6.0	8.3	8.4	6.6	8.0	8.6	8.9	8.1	7.4			23	Đạt
15	Vũ Thanh Mai	13/03/2001	7.0	8.5	8.2	9.4	8.0	8.1	8.9	7.9	8.2			23	Đạt
16	Trần Phương Nam	09/12/1986	6.0	9.0	6.0	8.1	9.3	8.6	9.3	8.7	8.2			23	Đạt
17	Võ Trần Thảo Nguyên	02/01/2002	7.0	8.5	8.7	8.4	8.5	8.5	8.3	8.8	8.6			23	Đạt



STT	Họ tên	Ngày sinh	Điểm bổ sung kiến thức										Tổng số TC	Kết quả	
			GDH đại cương (2)	Tâm lý học giáo dục (2)	Tâm lý học đại cương (2)	Tâm lý học xã hội (2)	Tâm lý học phát triển (3)	Tâm lý học chẩn đoán (3)	Tham vấn tâm lý (3)	PPNC chuyên ngành TLH (3)	Tâm lý học nhân cách (3)	TLH đại cương (3)			TLH phát triển (4)
18	Lê Thị Minh Phụng	26/06/1990	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0			23	Không đạt
19	Nguyễn Thị Lan Phương	02/02/1994	7.0	8.5	7.0	8.4	8.0	8.1	8.2	7.9	8.2			23	Đạt
20	Trần Thị Sáng	15/10/1949	7.0	9.0	7.3	9.1	8.0	8.2	9.0	8.2	8.8			23	Đạt
21	Nguyễn Việt Nam Sơn	08/07/1994	8.0	8.0	7.9	9.1	9.3	8.6	9.3	7.9	8.6			23	Đạt
22	Nguyễn Thị Thiện Tâm	29/03/1981	7.0	8.5	7.0	8.0	8.0	8.4	8.3	8.8	8.2			23	Đạt
23	Trần Thị Thanh Tâm	03/09/1992										8.1	8.0	7	Đạt
24	Trần Thị Minh Thái	28/07/1985	7.0	8.5	7.0	8.4	8.0	8.2	8.7	8.4	8.2			23	Đạt
25	Lê Văn Thăng	25/03/1973	7.0	8.3	8.7	8.4	8.5	8.1	8.7	8.4	8.2			23	Đạt
26	Nguyễn Chí Thành	16/04/2002	6.0	9.0	8.7	8.1	9.5	8.1	9.2	8.7	8.6			23	Đạt
27	Nguyễn Mộng Thạch Thảo	25/10/1988	8.0	8.3	9.0	8.7	7.5	8.2	8.7	8.4	8.2			23	Đạt
28	Nguyễn Thu Thảo	12/01/1977	7.0	8.5	5.0	8.0	8.3	8.3	8.7	8.2	8.2			23	Đạt
29	Nguyễn Thị Hoàng Thu	26/01/1987	7.0	8.3	7.5	8.3	6.6	8.1	8.1	7.9	8.6			23	Đạt
30	Cao Thị Thúy Tiên	27/06/1993	8.0	8.3	8.8	8.3	8.0	8.1	9.0	8.7	8.2			23	Đạt
31	Trần Thị Huyền Trâm	22/12/1996	7.0	8.3	6.5	5.0	8.0	8.4	9.0	7.9	8.2			23	Đạt
32	Võ Ngọc Bảo Trâm	21/09/2003	8.0	8.3	8.6	8.4	8.0	8.6	8.2	8.4	7.8			23	Đạt
33	Trần Nguyễn Bích Trâm	24/04/1994	7.0	8.3	6.3	8.7	8.0	8.6	8.4	8.8	8.2			23	Đạt
34	Trần Huyền Trang	04/01/1988	7.0	8.3	8.8	8.3	8.5	8.6	8.5	7.9	8.2			23	Đạt
35	Lê Thị Tuyết Trinh	19/08/1994	8.0	8.3	8.8	9.4	8.0	8.6	8.8	8.6	8.2			23	Đạt
36	Cao Thị Ngọc Trinh	13/07/1978	7.0	8.5	7.9	9.1	8.0	8.6	9.0	8.7	8.6			23	Đạt
37	Trần Đức Trọng	02/10/1985	7.0	8.0	7.6	8.5	8.0	8.1	8.5	8.2	8.2			23	Đạt
38	Trịnh Thị Thanh Trúc	23/11/2000	7.0	8.3	7.6	8.3	7.8	8.6	9.1	7.9	8.2			23	Đạt
39	Nguyễn Thanh Tuyền	24/06/1980	7.0	9.0	8.4	8.3	8.0	8.6	8.8	8.4	8.2			23	Đạt

C V  
 JON  
 I HO  
 PHAI  
 C Đ

STT	Họ tên	Ngày sinh	Điểm bổ sung kiến thức											Tổng số TC	Kết quả
			GDH đại cương (2)	Tâm lý học giáo dục (2)	Tâm lý học đại cương (2)	Tâm lý học xã hội (2)	Tâm lý học phát triển (3)	Tâm lý học chẩn đoán (3)	Tham vấn tâm lý (3)	PPNC chuyên ngành TLH (3)	Tâm lý học nhân cách (3)	TLH đại cương (3)	TLH phát triển (4)		
40	Trần Thị Hồng Vân	12/10/1980	6.5	9.3	6.0	9.1	7.8	8.1	8.8	8.4	8.2			23	Đạt
41	Nguyễn Thị Tuyết Vân	22/05/1983	7.0	9.3	8.6	8.5	8.0	8.6	8.6	8.4	8.2			23	Đạt
42	Trịnh Ngọc Vinh	27/01/1997	7.0	8.5	9.2	8.4	8.0	8.1	9.0	8.4	8.2			23	Đạt
43	Võ Thị Hắc Y	16/11/1996	8.0	8.3	8.9	7.4	8.0	8.6	8.7	8.7	8.6			23	Đạt
44	Võ Hà Quỳnh Anh	08-03-1991	8.0	8.3	8.4	9.1	8.0	8.6	9.0	8.2	8.2			23	Đạt

Ấn định danh sách có 44 học viên. Trong đó:

- Đạt: 43
- Không đạt: 1

**LẬP BẢNG**

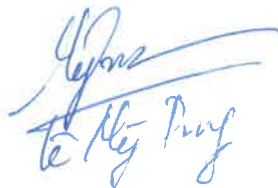
(Kí và ghi rõ họ tên)



**Văn Thị Ngọc Trâm**

**XÁC NHẬN CỦA KHOA**

(Kí và ghi rõ họ tên)



Đà Nẵng, ngày 26 tháng 12 năm 2025

**PHÒNG ĐÀO TẠO**



**TS. Trần Đức Mạnh**





TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**TỔNG HỢP ĐIỂM HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC  
NGÀNH: QUẢN LÝ GIÁO DỤC**

STT	Họ tên	Ngày sinh	Điểm bổ sung kiến thức				Tâm lý học đại cương (3)	Tổng số TC	Kết quả
			Đại cương quản lý giáo dục (3)	Phát triển chương trình giáo dục (3)	Hệ thống GD quốc dân và bộ máy QLGD (3)	Giáo dục học đại cương (4)			
1	Bạch Thị Thúy Kiều	10-02-1983	8,0	8,6	8,5		9	Đạt	
2	Đào Thị Tâm	24-11-1978	8,0	8,0	8,0		9	Đạt	
3	Dương Minh Quyên	12-11-2002	7,0	7,0	8,0		9	Đạt	
4	Dương Thị Hoàng Oanh	11-07-1991	8,0	8,0	8,5		9	Đạt	
5	Hồ Ngọc Yến Nhi	26-04-2003	8,0	8,0	8,0		9	Đạt	
6	Hoàng Thị Tiểu Mai	02-08-1989	8,6	8,6	8,5		9	Đạt	
7	Lâm Thị Xuân Mỹ	21-02-1998	7,6	7,6	8,0		9	Đạt	
8	Lê Thị Hoàng Uyên	18-06-1983	8,0	8,0	8,5		9	Đạt	
9	Lê Thị Thủy	16-01-1991	8,6	8,0	8,0		9	Đạt	
10	Nguyễn Đặng Thanh Nguyên	25-01-1994	8,0	8,0	8,0		9	Đạt	
11	Nguyễn Đoàn Minh Tâm	02-05-2000	8,6	8,0	8,0		9	Đạt	
12	Nguyễn Lan Anh	02-09-1991	8,0	8,0	8,0		9	Đạt	
13	Nguyễn Thị Châu Vân	06-08-1983	8,0	8,4	8,5		9	Đạt	
14	Nguyễn Thị Diệu	28-02-1991	8,0	7,4	8,0		9	Đạt	
15	Nguyễn Thị Dương	20-10-1985	8,6	8,0	8,5		9	Đạt	
16	Nguyễn Thị Mai Hương	20-11-2003	8,6	8,0	8,0		9	Đạt	
17	Nguyễn Thị Thanh Thủy	20-09-1985	7,0	7,6	8,5		9	Đạt	



STT	Họ tên	Ngày sinh	Điểm bổ sung kiến thức				Tâm lý học đại cương (3)	Tổng số TC	Kết quả
			Đại cương quản lý giáo dục (3)	Phát triển chương trình giáo dục (3)	Hệ thống GD quốc dân và bộ máy QLGD (3)	Giáo dục học đại cương (4)			
18	Nguyễn Thị Thiên Hương	31-08-1997	7,4	7,4	8,0		9	Đạt	
19	Phạm Kim Ngân	11-11-1981	8,0	8,0	8,5		9	Đạt	
20	Phan Lê Nhi	16-12-1996	7,4	8,6	8,0		9	Đạt	
21	Phan Thị Phương	09-10-1985	8,0	8,0	8,5		9	Đạt	
22	Trần Nhật Huyền	18-12-2000	7,0	7,6	8,0		9	Đạt	
23	Trần Thị Ngọc Nguyên	27-04-1997	8,6	8,0	8,0		9	Đạt	
24	Trần Thị Thu Thủy	09-02-1994	8,0	8,0	8,5		9	Đạt	
25	Trần Văn Hiếu	08-11-1980	8,2	7,0	8,5		9	Đạt	
26	Đặng Ngọc Kim Nguyên	28-04-1984	8,6	8,0	8,5	8,0	9,2	16	Đạt
27	Đặng Thị Lệ Quyên	02-02-1989	8,0	8,6	8,5	8,0	9,1	16	Đạt
28	Nguyễn Thị Mỹ Châu	03-10-1986	8,6	8,0	8,0	8,0	9,2	16	Đạt
29	Nguyễn Trọng Thắng	27-03-1991	7,4	8,0	8,5	6,0	7,9	16	Đạt
30	Trần Võ Quang	27-03-1966	8,0	8,0	8,5	8,0	8,9	16	Đạt
31	Võ Thị Thanh Tâm	08-04-1987	7,6	7,6	8,5	7,0	8,7	16	Đạt
32	Nguyễn Thị Hồng Vân	02-10-1991	8,0	8,0	8,0			9	Đạt
33	Hồ Thị Bích Ngân	09-04-1996	8,0	8,0	8,0	7,0	8,2	16	Đạt
34	Trần Vũ Hồng Phương	18-08-1989	7,6	7,0	8,0	8,0	7,6	16	Đạt
35	Trương Thị Yến Nhi	05-08-2003	8,6	8,0	8,0			9	Đạt
36	Nguyễn Thị Bửu Ngọc	08-10-1982	7,6	7,6	8,0	7,0	6,7	9	Đạt
37	Lê Phước Thạnh	20-02-1985	7,6	7,6	8,5			9	Đạt
38	Mai Thị Cẩm Nhung	12-12-1983	7,6	7,6	8,5			9	Đạt

STT	Họ tên	Ngày sinh	Điểm bổ sung kiến thức				Tâm lý học đại cương (3)	Tổng số TC	Kết quả
			Đại cương quản lý giáo dục (3)	Phát triển chương trình giáo dục (3)	Hệ thống GD quốc dân và bộ máy QLGD (3)	Giáo dục học đại cương (4)			
39	Trương Thị Thu Thủy	20-10-1983	7,6	7,6	8,5		9	Đạt	
40	Nguyễn Hữu Quyền	02-08-1982	7,6	7,0	8,5		9	Đạt	
41	Lê Minh Tùng	19-05-1982	8,6	8,0	8,5		9	Đạt	
42	Nguyễn Thị Thu Hiền	24-09-1979	7,4	7,0	8,5		9	Đạt	
43	Phan Thị Ngọc Ngân	04-09-1993	8,6	8,0	8,0		9	Đạt	
44	Nguyễn Phương Thảo	20-03-2003	8,0	8,0	8,0		9	Đạt	
45	Đinh Lan Hương	26-09-1982	7,4	7,4	8,5		9	Đạt	
46	Y Xuân	08-01-1985	8,0	8,0	8,5		9	Đạt	
47	Lê Thị Hằng	25-09-1979	8,6	8,0	8,5		9	Đạt	
48	Nguyễn Thị Thái	26-06-1977	8,6	8,0	8,0		9	Đạt	
49	Nguyễn Thị An	29-8-1978	8,0	8,6	8,5		9	Đạt	
50	Nguyễn Đình Dương	07-08-1983	8,0	8,0	8,5		9	Đạt	
51	Nguyễn Thị Thuỳ Dung	01-06-1986	8,0	8,6	8,5	7,0	7,3	16	Đạt
52	Đặng Như Quỳnh	22-07-1990	7,6	7,6	8,0		9	Đạt	
53	Huỳnh Thị Vy Tiên	24-02-1989	7,0	7,6	8,5		9	Đạt	
54	Nguyễn Thị Thu Phương	02-04-1983	8,0	8,0	8,5		9	Đạt	
55	Bùi Thị Lệ Huyền	17-06-1974	8,0	8,0	8,5		9	Đạt	
56	Nguyễn Phan Thùy Ngân	24-11-1996	7,4	8,0	8,5	7,0	8,8	16	Đạt
57	Nguyễn Ngọc Huynh	15-5-1978	8,6	7,0	8,5		9	Đạt	
58	Nguyễn Thị Diệu Linh	23-02-1996	0,0	0,0	0,0		9	Không đạt	
59	Nguyễn Ngô Ngọc Anh	23-10-1981	8,6	8,6	8,0		9	Đạt	

STT	Họ tên	Ngày sinh	Điểm bổ sung kiến thức				Tâm lý học đại cương (3)	Tổng số TC	Kết quả
			Đại cương quản lý giáo dục (3)	Phát triển chương trình giáo dục (3)	Hệ thống GD quốc dân và bộ máy QLGD (3)	Giáo dục học đại cương (4)			
60	Trần Thanh Bình	07-07-2000	7,4	8,0	8,0			9	Đạt
61	Lê Thị Phương Dung	24-11-1989	8,0	8,0	8,2			9	Đạt
62	Nguyễn Thị Kim Sương	25-10-1978	8,0	8,0	8,7			9	Đạt
63	Lê Đức Tiến	22-08-1996	8,6	8,0	8,0			9	Đạt
64	Nguyễn Thị Minh Tuyết	13-10-1983	7,0	7,0	8,2			9	Đạt
65	Trình Thị Thi	25-09-1979	8,0	8,0	8,5			9	Đạt
66	Lê Huỳnh Hà Vân	23-05-1988	7,0	7,6	8,0			9	Đạt
67	Nguyễn Ngọc Tuyết Anh	22-01-1991	9,0	8,4	8,0	7,0	8,3	16	Đạt
68	Trần Thị Mỹ Hạnh	13-12-1995	8,0	8,0	8,0	8,0	8,6	16	Đạt
69	Nguyễn Thị Thu Hiền	12-07-1982	8,0	8,0	8,0	6,0	9,2	16	Đạt
70	Nguyễn Hoàng Linh	22-05-1990	8,6	8,4	8,0	7,0	8,6	16	Đạt
71	Phan Ngọc Hải Loan	24-02-1983	8,6	8,0	8,5	7,0	7,9	16	Đạt
72	Nguyễn Thị Mai	04-10-1986	8,0	8,0	8,5	8,0	7,8	16	Đạt
73	Hoàng Trung Nhiên	03-04-1990	8,0	8,0	8,0	7,0	7,8	16	Đạt
74	Bùi Thị Thanh Huyền	15-10-1989	8,6	7,4	8,0	8,0	9,2	16	Đạt
75	Dương Ngọc Tú Quỳnh	19-03-1977	7,4	7,4	8,5	6,0	7,1	16	Đạt
76	Nguyễn Thị Hồng Thắm	29-10-1985	8,6	8,0	8,5	6,0	8,7	16	Đạt
77	Nguyễn Thị Thanh Thủy	12-01-1985	8,6	8,0	8,5	6,0	8,9	16	Đạt
78	Đỗ Minh Trí	08-04-1994	8,0	8,6	8,0	6,0	7,9	16	Đạt
79	Trần Lương Thu Trúc	19-06-2002	8,0	8,0	8,0	8,0	8,7	16	Đạt
80	Vũ Dương Thành Trung	16-03-2000	8,6	8,0	8,0	7,0	8,3	16	Đạt



STT	Họ tên	Ngày sinh	Điểm bổ sung kiến thức				Tâm lý học đại cương (3)	Tổng số TC	Kết quả
			Đại cương quản lý giáo dục (3)	Phát triển chương trình giáo dục (3)	Hệ thống GD quốc dân và bộ máy QLGD (3)	Giáo dục học đại cương (4)			
81	Lương Tấn Trung	17-12-1963	0,0	0,0	0,0	0,0	4,4	16	Không đạt
82	A Khải	23-11-2001	0,0	0,0	8,0			9	Không đạt
83	Phan Thị Quý Chung	15-01-1984	8,0	8,0	8,5			9	Đạt
84	Nguyễn Thị Quỳnh	11-08-1994	7,0	7,6	8,0			9	Đạt
85	Trần Thị Nhân	16-04-1994	0,0	0,0	0,0			9	Không đạt
86	Huỳnh Bá Nghĩa	02-02-1991	8,0	8,0	8,0			9	Đạt

Ấn định danh sách có 86 học viên. Trong đó:

- Đạt: 82
- Không đạt: 4

**LẬP BẢNG**

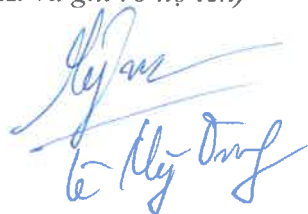
(Kí và ghi rõ họ tên)



**Văn Thị Ngọc Trâm**

**XÁC NHẬN CỦA KHOA**

(Kí và ghi rõ họ tên)



Đà Nẵng, ngày 26 tháng 12 năm 2025

**PHÒNG ĐÀO TẠO**



**TS. Trần Đức Mạnh**